

# BẢO ĐẢM SỰ THAM GIA TÍCH CỰC VÀ Ý NGHĨA CỦA CỘNG ĐỒNG TẠI CÁC KHU DI SẢN THẾ GIỚI: KHUNG CHÍNH SÁCH CỦA UNESCO VÀ VIỆT NAM

PHẠM THỊ THANH HƯỜNG\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cách các khung chính sách của UNESCO và cải cách pháp lý tại Việt Nam đang thúc đẩy sự tham gia tích cực và có ý nghĩa của cộng đồng trong quản lý các khu Di sản thế giới, thông qua cách tiếp cận dựa trên quyền văn hóa. Qua việc đối chiếu khung pháp lý cùng các công cụ quốc tế và Việt Nam, gồm: Công ước UNESCO 1972, Chính sách về việc lồng ghép quan điểm phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản Thế giới (UNESCO, 2015) và Luật Di sản văn hóa năm 2024, bài viết khẳng định sự tham gia của cộng đồng là yếu tố then chốt không chỉ để bảo đảm công bằng về văn hóa mà còn để duy trì tính xác thực và sức sống của di sản.

**Từ khóa:** di sản thế giới, cộng đồng, phát triển bền vững.

**Abstract:** This paper explores how UNESCO's evolving policy framework and Vietnam's national legal reforms support the active and meaningful participation of local communities in World Heritage governance through a cultural rights-based approach. By examining international instruments such as the 1972 Convention and the 2015 Sustainable Development Policy alongside Vietnam's Constitution and new Heritage Law, the paper argues that community engagement is essential not only for cultural justice but also for sustaining the authenticity and vitality of heritage sites.

**Key words:** world heritage, local community, sustainable development.

## 1. Những vấn đề phát sinh từ thực tiễn

Tại Việt Nam trong vòng hai thập kỷ qua, các khu di sản thế giới trở thành những nguồn lực quan trọng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội thông qua thúc đẩy tăng trưởng du lịch bền vững và phát triển các chuỗi giá trị, sự đa dạng của sinh kế và kinh tế địa phương. Các khu di sản thế giới hầu hết đều tạo ra sự biến đổi ấn tượng của bản đồ du lịch Việt Nam, như: Khu Phố cổ Hội An, Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Vịnh Hạ Long, Quần thể di tích Cố đô Huế... đều trở thành những điểm đến du lịch trọng điểm, thu hút hàng triệu lượt khách mỗi năm. Việc công nhận các khu di sản thế giới cũng thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, sản phẩm và các dịch vụ vùng di sản. Các khu di sản thế giới cũng góp phần thúc đẩy giáo dục, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường và phục hồi sinh thái,

nâng cao nhận thức về giá trị di sản và góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa của cộng đồng.

Bên cạnh những thành tựu đó, thực tiễn tại các khu di sản thế giới ở Việt Nam kể từ những năm đầu TK XXI đến nay cũng phát sinh nhiều vấn đề mới trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ. Những áp lực mới từ sự thương mại hóa quá mức, du lịch đại trà, thiếu cơ chế bảo đảm sự tham gia thực chất và bảo đảm chia sẻ lợi ích hài hòa giữa cộng đồng và các bên liên quan đã và đang tạo ra những tác động tiêu cực tới quyền văn hóa của cộng đồng địa phương.

Thứ nhất, các khu di sản thế giới ở Việt Nam thường gắn liền với các cộng đồng dân cư sinh sống ngay bên trong vùng lõi của khu di sản - thường phải đối mặt với những thách thức gia tăng giữa bảo tồn và phát triển. Việc tập trung bảo vệ các giá trị nổi bật toàn cầu với cách tiếp cận nhấn mạnh tính nguyên

gốc của các thành tố vật thể và tầm quan trọng của di sản vì lợi ích chung của nhân loại đôi khi dẫn tới quyết định phải di dời cư dân ra khỏi vùng lõi của khu di sản. Mặt khác, cùng với sự phát triển về kinh tế và gia tăng về dân số, xuất hiện các nhu cầu ngày càng gia tăng của cư dân địa phương từ việc sử dụng, cải tạo không gian sống cho tới việc thực hành những tập quán, truyền thống văn hóa hoặc khôi phục hoạt động lễ hội và nhu cầu tiếp cận với các thành tố và không gian của khu di sản. Mối quan hệ giữa người dân địa phương với di sản thường được nhắc tới với trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ, nhưng lại tương đối mơ hồ khi xác định các nội dung về quyền, trong đó có quyền văn hóa.

*Thứ hai*, trong khi điều kiện tham gia của các cá nhân và cộng đồng địa phương vào các quá trình và hoạt động của khu di sản còn hạn chế, thì các bên liên quan khác ngày càng tham gia nhiều hơn và có ảnh hưởng đáng kể đối với quá trình xác định giá trị, đề cử và hoạt động quản lý vận hành các khu di sản. Cộng đồng địa phương thường được coi là đối tượng quản lý, nhưng ít được chú ý tới vai trò chủ thể văn hóa, vốn có ý nghĩa quan trọng trong việc kế thừa, duy trì các giá trị cũng như góp phần bảo vệ tính xác thực của di sản. Vấn đề này xuất hiện phổ biến hơn ở các khu di sản thiên nhiên, nơi mà các giá trị nổi bật toàn cầu để xác lập tầm vóc quốc tế của khu di sản thường chỉ bao gồm các tiêu chí về giá trị thiên nhiên.

*Thứ ba*, nhận thức chung về vai trò của cộng đồng với tư cách là chủ thể văn hóa và các quyền văn hóa của họ còn chưa cụ thể, rõ ràng, mặc dù quyền văn hóa đã được quy định và bảo vệ trong Hiến pháp, cũng như cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp lý. Điều này dẫn tới rủi ro của một số đề xuất di dời của cộng đồng cư dân sống tại ra ngoài vùng di sản sau khi được công nhận do áp lực du lịch hoặc nhu cầu phát triển hạ tầng, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng tới tính xác thực của di sản, nếu không được đánh giá và nhận diện đầy đủ, đặc biệt là ở các khu di sản thiên nhiên thế giới, nơi mà các giá trị văn hóa bản địa, tri thức địa phương thường ít được chú ý tới trong quá trình xác định các giá trị nổi bật toàn cầu về thiên nhiên.

## 2. Khung Chính sách của UNESCO

Công ước UNESCO về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới ra đời năm 1972 (Công ước Di sản Thế giới) tập trung vào việc cứu nguy

và bảo vệ những di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới có giá trị nổi bật toàn cầu, có ý nghĩa đặc biệt đối với toàn nhân loại. Mặc dù quyền văn hóa và cách tiếp cận quyền nói chung ban đầu chưa được chú trọng, cộng đồng quốc tế đã nhanh chóng nhận ra khoảng trống này và ngày càng quan tâm hơn. Điều 5 Công ước Di sản Thế giới quy định: “Các quốc gia thành viên sẽ nỗ lực hết sức và phù hợp với điều kiện của từng quốc gia, trong việc: Thông qua một chính sách chung nhằm trao cho di sản văn hóa và thiên nhiên một chức năng trong đời sống cộng đồng, và tích hợp việc bảo vệ di sản đó vào các chương trình quy hoạch phát triển tổng thể” (1). Điều này nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ di sản, khuyến khích các quốc gia bảo vệ di sản văn hóa theo cách tôn trọng các thực hành truyền thống và giá trị của cộng đồng; và thừa nhận rằng cộng đồng là những “chủ thể sống” của di sản, không chỉ là những người đứng ngoài quan sát.

Các điều chỉnh và yêu cầu được cập nhật trong Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới, cập nhật gần đây nhất năm 2024, bao gồm các Đoạn 40 về sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý và giám sát các khu di sản. Đoạn 111 yêu cầu thừa nhận tầm quan trọng của các giá trị văn hóa gắn kết mà cộng đồng gắn bó với các địa điểm di sản và tôn trọng nguyên tắc đồng thuận, tự nguyện, tham vấn trước và cung cấp đầy đủ thông tin của các cộng đồng địa phương. Đoạn 123 và Đoạn 124 quy định về yêu cầu xem xét quan điểm của các cộng đồng bản địa trong quá trình đề cử và quản lý các di sản (2). Đây là các căn cứ pháp lý trong Hướng dẫn thực hiện công ước nhằm bảo đảm việc cân bằng giữa các mục tiêu bảo tồn giá trị nổi bật toàn cầu với các giá trị văn hóa bản địa, quá trình triển khai và hệ thống quản lý các khu di sản thế giới cần có tính bao trùm, tôn trọng các hệ thống và tri thức của cộng đồng địa phương, hỗ trợ không chỉ cho việc bảo vệ các di tích và kiến trúc mà còn cần phải bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản sống.

*Chính sách về việc lồng ghép quan điểm phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản Thế giới (UNESCO, 2015)* (3) cũng nêu rõ yêu cầu về việc lồng ghép việc bảo đảm quyền con người, bao gồm quyền văn hóa vào quá trình quản lý di sản, kêu gọi các quốc gia thành viên xây dựng

các chính sách và cơ chế bảo đảm chia sẻ lợi ích công bằng giữa các bên liên quan với cộng đồng địa phương và người bản địa, loại bỏ các quy định phân biệt đối xử hoặc hạn chế tiếp cận di sản của cộng đồng, và hỗ trợ cho các sáng kiến thực hành và trao truyền các giá trị văn hóa, di sản giữa các thế hệ trong cộng



**Du khách tham quan danh thắng Tràng An (Ninh Bình)**  
Ảnh: Minh Quân

đồng. Chính sách này xác định rằng mục tiêu phát triển bền vững cần dựa trên ba nguyên tắc bao trùm và bốn nhóm yếu tố cơ bản, đó là: nguyên tắc bao trùm về quyền con người cơ bản, bao gồm các quyền về văn hóa; nguyên tắc bình đẳng; và tính bền vững trong dài hạn. Bốn nhóm yếu tố cơ bản về bền vững môi trường, phát triển xã hội cho mọi người, tăng trưởng kinh tế bao trùm - mọi người cùng được hưởng lợi ích kinh tế từ di sản; và đóng góp vào hòa bình và an ninh. Từ khóa “cộng đồng” xuất hiện 40 lần trong Chính sách này với những quy định và hướng dẫn chi tiết về các chính sách và biện pháp nhằm bảo đảm sự tham gia tích cực và có ý nghĩa của họ tại các khu di sản thế giới.

Cụ thể, chính sách này nhấn mạnh tầm quan trọng của cộng đồng trong phát triển bền vững: “Các khu di sản thế giới có tiềm năng nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là các cộng đồng địa phương, thông qua việc bảo tồn và sử dụng bền vững di sản văn hóa và thiên nhiên của họ” (Đoạn 19). Chính sách cũng khẳng định sự tham gia của cộng đồng phải là sự tham gia tích cực, có ý nghĩa: “Phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia tích cực, tự do và có ý nghĩa của các cộng đồng, với sự chú ý đặc biệt đến các nhóm dễ bị tổn thương và người dân bản địa” (Đoạn 20). Đồng thời, chính sách cũng kêu gọi việc bảo đảm tiếp cận công bằng, nhất là giữa cộng đồng địa phương và các đối tượng khác: “Cần bảo đảm việc tiếp cận công bằng các lợi ích và giảm thiểu mọi tác động tiêu cực đối với các cộng đồng địa phương” (Đoạn 21); cũng như tôn trọng các tri thức

và thực hành văn hóa truyền thống, bởi điều này trực tiếp góp phần vào việc bảo vệ tính chân xác và các giá trị cốt lõi của di sản: “Các hệ thống tri thức truyền thống và thực hành văn hóa địa phương cần được tôn trọng và lồng ghép vào các chiến lược bảo tồn di sản” (Đoạn 23).

Gần đây, quy định về Báo cáo định kỳ

thực hiện Công ước Di sản Thế giới, chu kỳ 3 (2018-2024) do Ủy ban Di sản Thế giới ban hành cũng đã thay đổi căn bản về Mẫu bảng hỏi với yêu cầu báo cáo đối với các khu di sản thế giới. Những thay đổi chính bao gồm việc đánh giá về tác động, đóng góp của di sản thế giới đối với phát triển bền vững, bao gồm các phương diện xã hội và văn hóa; việc nhấn mạnh vào sự tham gia và vai trò của cộng đồng với yêu cầu mô tả chi tiết sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc quản lý và bảo vệ các di sản thế giới; cùng với các chỉ số giám sát mới đánh giá việc thực hiện Công ước Di sản Thế giới, bao gồm các khía cạnh liên quan tới quyền văn hóa và sự tham gia của cộng đồng. Cụ thể là các yêu cầu tại Phần II của Bộ câu hỏi trong mẫu báo cáo định kỳ: Mục II.5 về sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình ra quyết định, các phương thức quản lý truyền thống của cộng đồng, việc chia sẻ lợi ích từ di sản với cộng đồng địa phương. Mục II.6 yêu cầu báo cáo về mức độ hiểu biết, nhận thức và sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn di sản.

Bảo đảm sự tham gia của cộng đồng với cách tiếp cận tôn trọng và thúc đẩy quyền văn hóa cũng trở thành trọng tâm nổi bật được nhấn mạnh xuyên suốt trong các văn kiện quan trọng gần đây tại các kỳ họp có sự tham gia của hàng trăm quốc gia thành viên UNESCO. Tuyên bố Hội nghị Toàn cầu về Văn hóa Mondiacult 2022 tại Mexico đưa ra 5 điểm kêu gọi hành động: Khẳng định quyền văn hóa là một quyền riêng trong các quyền cơ bản của con người, tái khẳng định quyền của tất cả mọi

người trong việc tiếp cận, tham gia và đóng góp vào đời sống văn hóa, kêu gọi các Chính phủ tăng cường cơ sở pháp lý bảo đảm quyền văn hóa, khẳng định quyền văn hóa là yếu tố then chốt để đạt được phát triển bền vững, và kêu gọi hợp tác quốc tế và tăng cường đối thoại để bảo đảm và thúc đẩy quyền văn hóa (4).

Tiếp nối sự kiện này, UNESCO chủ trì Hội nghị Di sản văn hóa TK XXI tại Naples, Italy 9-2023 với sự tham gia của hơn 190 quốc gia thành viên, ra *Kêu gọi hành động UNESCO - Tinh thần Naples* (UNESCO Call for Action - The Spirit of Naples) với Chính sách kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn di sản vật thể gắn liền với bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và thúc đẩy quyền tiếp cận, tham gia văn hóa của tất cả mọi người tại các di sản thế giới; tôn trọng quyền văn hóa và sự gắn kết chặt chẽ giữa cộng đồng địa phương với các di sản, kể cả các di sản văn hóa và thiên nhiên; yêu cầu bảo đảm phúc lợi và sinh kế bền vững của các cộng đồng địa phương, nhất là người bản địa và dân tộc thiểu số tại các khu Di sản thế giới (5).

### **3. Chính sách và những điều chỉnh pháp lý quốc gia tại Việt Nam**

Bảo đảm lợi ích và tinh thần làm chủ của người dân, nguyên tắc “dân thụ hưởng” và phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa là một chủ trương nhất quán trong định hướng và các chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 xác định “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện”; và “giữ vững sự bình đẳng và phát huy tính đa dạng văn hóa của các dân tộc” (6). Tiếp nối chủ trương này, Nghị quyết số 33/NQ-TW khóa XI năm 2014 nêu rõ nhiệm vụ “Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội... Phát huy các di sản được UNESCO công nhận” và “huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại” (7). Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại thời điểm đó tiếp tục chỉ rõ định hướng: “Phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là nhân dân; tôn trọng và bảo vệ sự biểu đạt đa dạng của văn hóa, của người dân, các dân tộc, các vùng, miền; phát

triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, bảo đảm sự công bằng” (8).

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Di sản Thế giới từ năm 1987 và liên tục cập nhật bổ sung các quy định trong văn bản pháp lý nhằm nâng cao tính phù hợp giữa hệ thống pháp lý quốc gia và quốc tế. Tiếp cận dựa trên quyền được cụ thể hóa trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật của Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 không chỉ xác định rõ quyền văn hóa là một quyền con người cơ bản (Điều 14), mà xác định cụ thể quyền văn hóa bao gồm đầy đủ các phương diện trong đó có các quyền tiếp cận, tham gia, thụ hưởng, sáng tạo, thực hành (Điều 41).

Gần đây, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21-9-2017 về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, bổ sung và cập nhật các quy định liên quan tới việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý và bảo vệ di sản thế giới. Lần đầu tiên, khái niệm cộng đồng tại các khu di sản thế giới đã được xác định rõ: “Cộng đồng là tập hợp những người đang sinh sống ổn định và lâu dài trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới” (9) và được đề cập 12 lần trong các điều khoản quy định khác nhau. Đây là một cơ sở pháp lý quan trọng quy định rõ các yêu cầu về việc bảo đảm sự tham gia tích cực và ý nghĩa của cộng đồng trong toàn bộ quá trình đề cử, xác định di sản, xây dựng nội dung kế hoạch quản lý, đánh giá các nguy cơ tác động của các dự án phát triển, cũng như sự tham vấn rộng rãi trong quá trình xây dựng, điều chỉnh các quy chế bảo vệ di sản.

Một bước tiến mới trong hệ thống pháp lý của Việt Nam gần đây là Luật Di sản văn hóa được Quốc hội ban hành ngày 23-11-2024 và có hiệu lực từ ngày 1-7-2025. Điểm mới đáng chú ý trong Luật Di sản văn hóa năm 2024 thể hiện ở việc xác định rõ chủ thể văn hóa là cộng đồng, cá nhân và nhóm cá nhân, đồng thời phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể văn hóa. Trước đây, Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) gộp chung quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 14, 15 và 16, nên chưa thể hiện rõ về quyền hay nghĩa vụ hoặc trách nhiệm: “Tổ chức, cá nhân có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Sở hữu hợp pháp di sản văn hóa; 2. Tham quan,

nguyên cứu di sản văn hóa; 3. Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; 4. Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất; 5. Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hóa” (Điều 14). Trong Luật Di sản văn hóa năm 2024, đã có sự phân biệt và quy định rõ ràng giữa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể khác nhau đối với di sản văn hóa, và quy định chi tiết tại Điều 5 các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể sở hữu di sản văn hóa: Quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cộng đồng, gia đình, dòng họ, pháp nhân, cá nhân đối với di sản văn hóa (khoản 1, Điều 5); Quyền của chủ sở hữu di sản văn hóa (khoản 3, Điều 5); Quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cộng đồng, gia đình, dòng họ, pháp nhân, cá nhân quản lý di sản văn hóa (khoản 5, Điều 5).

#### 4. Kết luận

Việc bảo đảm sự tham gia tích cực và có ý nghĩa của cộng đồng tại các khu di sản thế giới dựa trên cách tiếp cận quyền văn hóa không chỉ là yêu cầu mang tính nhân văn, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo tồn di sản một cách bền vững và có ý nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều khu di sản đang đối mặt với các áp lực từ phát triển du lịch, đô thị hóa và biến đổi xã hội, quyền văn hóa cần được đặt vào trung tâm của các chiến lược bảo tồn - không chỉ với tư cách là một giá trị cần được bảo vệ, mà còn là nền tảng để cộng đồng tiếp tục vai trò chủ thể văn hóa, duy trì thực hành và bồi đắp giá trị của di sản.

Việt Nam có nhiều thuận lợi về điều kiện để thúc đẩy tiếp cận quyền văn hóa tại các khu Di sản thế giới. Về mặt pháp lý, Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào Công ước Di sản Thế giới cũng như các thiết chế quan trọng, như tham gia là một trong 21 quốc gia thành viên Ủy ban Di sản Thế giới (nhiệm kỳ 2013-2017 và 2023-2027), đồng thời chủ trì và tích cực đóng góp cho việc định hình các chính sách quốc tế, nổi bật là Chính sách về việc lồng ghép quan điểm phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản Thế giới (UNESCO, 2015). Cùng với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam cũng không ngừng nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống

pháp lý quốc gia, quy định ngày càng rõ ràng hơn các phạm trù di sản thế giới và cộng đồng địa phương cùng với việc minh triết các khái niệm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể văn hóa khác nhau, thu hẹp khoảng cách giữa hệ thống pháp lý quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực di sản thế giới. Đây là những nền tảng cơ bản cho việc quản lý và bảo vệ di sản thế giới, và hỗ trợ cho chiến lược bảo tồn di sản bền vững dựa vào cộng đồng. Khi người dân cảm thấy di sản gắn liền với sinh kế và bản sắc của mình, họ sẽ có động lực và trách nhiệm trong việc tham gia tích cực vào quá trình quản lý, bảo vệ và bảo tồn di sản ■

P.T.T.H

1. UNESCO, *Công ước Di sản Thế giới*, Paris, 1972, Điều 5, Khoản a.

2. UNESCO, *Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention (Hướng dẫn Thực hiện Công ước Di sản Thế giới)*, Paris, [whc.unesco.org](http://whc.unesco.org).

3. UNESCO, *Policy for the Integration of a Sustainable Development Perspective into the Processes of the World Heritage Convention (Chính sách lồng ghép quan điểm phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản Thế giới)*, Paris, [whc.unesco.org](http://whc.unesco.org).

4. UNESCO, *Mondiacult2022 Ministerial Declaration (Tuyên bố Bộ trưởng MONDIACULT 2022)*, Mexico, [unesco.org](http://unesco.org).

5. UNESCO, *UNESCO Call for Action - The Spirit of Naples (Kêu gọi Hành động của UNESCO - Tinh thần Naples)*, Naples, Italy, [unesco.org](http://unesco.org).

6. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, tại văn bản số 03-NQ/TW ngày 16-7-1998.

7. Nghị quyết Trung ương số 33 khóa XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*, tại văn bản số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014.

8. *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc 2021*, [vietnamnet.vn](http://vietnamnet.vn), 25-11-2021.

9. Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, số 109/2017/NĐ-CP. Điều 3, Khoản 11.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 16-5-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 28-6-2025; Ngày duyệt đăng: 1-7-2025.